

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM , ngày 31 tháng 01 năm 2026

**TRANG THÔNG TIN NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI VỀ MẶT
HỌC THUẬT, LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN**

Tên luận án: **Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của các tổ chức, cá nhân
có hoạt động thương mại điện tử: nghiên cứu tại Việt Nam.**

Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Mã số: 9340201

Nghiên cứu sinh: Vũ Thị Thanh An

Khóa: 2020

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Tài chính - Marketing

Người hướng dẫn khoa học gồm có:

PGS.TS. Phạm Tiến Đạt

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

Những đóng góp mới về phương diện lý thuyết, thực nghiệm và thực tiễn của luận án:

1. Đóng góp mới về mặt khoa học

Thứ nhất, Luận án đã hệ thống hóa lý luận cơ bản về tuân thủ thuế (TTT) của người nộp thuế (NNT) một cách toàn diện, đồng thời phân tích các yếu tố tác động đến hành vi TTT của NNT.

Thứ hai, kinh nghiệm quản lý thuế trong thương mại điện tử (TMĐT) từ các quốc gia đã được tổng hợp trong Luận án, từ đó xây dựng cơ sở thực tiễn để đề xuất hoàn thiện khung pháp lý về thuế trong TMĐT tại Việt Nam.

Thứ ba, hành vi TTT của các đối tượng kinh doanh trực tuyến được làm rõ bằng một phương pháp tiếp cận đổi mới, kết hợp giữa phân tích định lượng các yếu tố tác động và mô hình tích hợp hành vi – thể chế – công nghệ. Chính sự kết hợp này giúp các phát hiện có độ tin cậy và Luận án đảm bảo tính logic.

2. Đóng góp mới về mặt thực,tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án đã có những đóng,góp mới về mặt thực tiễn như sau:

Luận án đã phân tích đầy đủ bức tranh thực trạng về sự TTT của các tổ chức, cá nhân có hoạt động TMĐT. Cụ thể:

Tuân thủ thuế của các tổ chức, cá nhân có hoạt động TMĐT tại VN hiện nay chưa cao, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp (DN) nhỏ, siêu nhỏ, cá nhân và hộ kinh doanh (HKD). Một phần không ít các DN vừa và nhỏ, đặc biệt là các DN siêu nhỏ khai thuế chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác. Những năm gần đây, nhận thức thuế và việc kê khai thuế của cá nhân và HKD đã có những thay đổi tích cực, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều hạn chế trong việc thực hiện TTT. Nhiều cá nhân và HKD không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế do hiểu chưa đúng, không biết rõ hay không biết đầy đủ các quy định thuế. Ngoài ra, một số cá nhân và HKD hoặc DN bán hàng không qua các sàn TMĐT, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế. Họ chủ yếu bán hàng không qua sàn TMĐT chính thức hoặc sử dụng các hình thức bán hàng nhỏ lẻ không có giấy phép KD, do đó việc kê khai thuế của họ không đầy đủ hoặc không kê khai thuế. Số liệu rà soát và phát hiện không tuân thủ thuế từ các báo cáo của cơ quan thuế (CQT) cho thấy, giai đoạn 2020 - 2024 và những tháng đầu năm 2025, tình hình thu thuế từ TMĐT có sự tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này cũng tiềm ẩn nguy cơ thất thu thuế đáng kể. Phải hoàn thiện khung pháp lý về thuế, phát triển năng lực quản lý thuế, gia tăng hợp tác liên ngành và đẩy mạnh truyền thông thuế để nâng cao ý thức TTT của cộng đồng KD trực tuyến là yêu cầu cấp thiết đặt ra.

Luận án đã xác định được hành vi TTT của tổ chức/DN có hoạt động TMĐT tại VN chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố nào và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố. Cụ thể:

Phân tích dữ liệu cho thấy hành vi TTT của DN (TTTDN) chịu ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) của 7 yếu tố, bao gồm (1) Đặc điểm hoạt động của NNT (DDHD), (2) Đặc điểm của CQT (DDCQT), (3) Yếu tố kinh tế (YTKT), (4) Yếu tố tâm lý (YTTL), (5) Hoạt động TMĐT (HDTM), (6) Yếu tố pháp luật, chính sách về thuế (PLCST), (7) Yếu tố xã hội (YTXH). Mức độ tác động được thể hiện như sau: DDHD ($\beta = 0,117$), DDCQT ($\beta = 0,137$), YTKT ($\beta = 0,165$), YTTL ($\beta = 0,087$), HDTM ($\beta = 0,193$), PLCST ($\beta = 0,103$) và YTXH ($\beta = 0,057$). Trong đó, HDTM ảnh hưởng mạnh nhất đến TTTDN với $\beta = 0,193$, trong khi YTXH ảnh hưởng yếu nhất với $\beta = 0,057$.

Luận án đã xác định được hành vi TTT của cá nhân và HKD có hoạt động TMĐT tại VN chịu ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng nào và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố.

Cụ thể: Phân tích dữ liệu cho thấy hành vi TTT của cá nhân và HKD (TTTCN) chịu ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) của 7 yếu tố, bao gồm (1) Đặc điểm hoạt động của

NNT (DDHD), (2) Đặc điểm của CQT (DDCQT), (3) Yếu tố kinh tế (YTKT), (4) Yếu tố Tâm lý (YTTL), (5) Hoạt động TMĐT (HDTM), (6) Yếu tố pháp luật, chính sách về thuế (PLCST), và (7) Yếu tố xã hội (YTXH). Mức độ tác động được thể hiện như sau: DDHD ($\beta = 0,070$), DDCQT ($\beta = 0,097$), YTKT ($\beta = 0,114$), YTTL ($\beta = 0,535$), HDTM ($\beta = 0,065$), PLCST ($\beta = 0,085$), YTXH ($\beta = 0,130$). Trong đó, YTTL ảnh hưởng mạnh nhất đến TTTCN với $\beta = 0,535$, trong khi HDTM ảnh hưởng yếu nhất với $\beta = 0,065$.

Luận án đã đề xuất được các hàm ý chính sách để hoàn thiện khung pháp lý về thuế trong TMĐT tại VN giúp quản lý thuế hiệu lực hơn, hiệu quả hơn, tăng cường sự TTT của NNT.

Cụ thể:

(1) Hoàn thiện khung pháp lý về thuế trong TMĐT, bao gồm: Xây dựng chính sách thuế đối với các sản phẩm và dịch vụ số - Định danh và phân loại sản phẩm số; Xác lập cơ chế "Thu thuế tại nguồn" đối với các nền tảng số, quy định rõ về thuế đối với các giao dịch xuyên biên giới; Cải cách chính sách thuế, thiết lập cơ chế "ngưỡng tuân thủ thuế" linh hoạt và phân tầng quản lý.

(2) Chiến lược quản trị rủi ro tuân thủ dựa trên nền tảng dữ liệu (Data-driven) (Hướng nội: Công tác quản lý của CQT), bao gồm: Xây dựng hệ sinh thái kết nối dữ liệu liên ngành (Big Data & API); Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (Machine Learning) trong phân tích rủi ro; Ứng dụng blockchain trong quản lý thuế.

(3) Nâng cao dịch vụ hỗ trợ và bồi đắp niềm tin thể chế (Hướng ngoại: Dịch vụ phục vụ NNT), bao gồm: Tăng cường tuyên truyền về nghĩa vụ thuế trong TMĐT; Phát triển hệ sinh thái App "Thuế số một chạm"; Tận dụng áp lực từ chuẩn mực xã hội - phát huy ảnh hưởng xã hội và tính cộng đồng trong tuân thủ thuế; Tăng minh bạch trong kiểm tra, xử phạt hành vi không tuân thủ thuế; Phối hợp với chính quyền địa phương để đảm bảo công bằng giữa các hộ cùng ngành nghề, cùng địa bàn; Cung cấp dịch vụ hỗ trợ NNT; Tăng cường sự phối hợp giữa CQT và các tổ chức hỗ trợ DN;

(4) Tái cấu trúc bộ máy quản lý thuế và nâng cao năng lực thực thi số, bao gồm: Tái cấu trúc và tối ưu hóa tổ chức trong CQT; Hình thành các đơn vị quản lý thuế TMĐT chuyên trách; Áp dụng mô hình tổ chức linh hoạt; Tăng cường phối hợp liên ngành; Chuẩn hóa đội ngũ công chức thuế "kép".

(5) Chủ động hội nhập, thúc đẩy hợp tác quốc tế về quản lý thuế thương mại điện tử, bao gồm: Thực thi các trụ cột của OECD về BEPS; Cơ chế chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới.

Đồng thời, luận án cũng đề xuất lộ trình triển khai các hàm ý chính sách giai đoạn 2026 – 2030 theo lộ trình ba giai đoạn, phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Chính phủ Việt Nam.

Nghiên cứu sinh

Vũ Thị Thanh An